

Số: 33/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 13 tháng 02 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-KĐCL ngày 09/01/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc bổ sung nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-KĐCL ngày 19/01/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXI của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXI ngày 11-12/02/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 43 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 86%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên và Khoa Ngoại ngữ cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

ỐC
RUM
IỂM
HẤT
GIÁ

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HÙNG YÊN

(Kèm theo Nghị quyết số: 33/NQ-HĐKĐCL ngày 13 tháng 02 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67%	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100%
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67%	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4,00	5	100%
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		Tiêu chí 8.2	4						
Tiêu chí 3.1	4	Tiêu chí 8.3	4						
Tiêu chí 3.2	4	Tiêu chí 8.4	4						
Tiêu chí 3.3	3	4,00	3	100%	Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4					Tiêu chuẩn 9		3,80	4	80%
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	3			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chuẩn 5					Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4	Tiêu chí 9.5	4						
Tiêu chí 5.2	4	4,00	4	80%	Tiêu chuẩn 10		4,17	6	100%
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	5			
Tiêu chí 5.5	5				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6					Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	3				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4	3,71	5	71,43%	Tiêu chí 10.6	4	4,00	5	100%
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	3				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			
Đánh giá chung CTĐT					Số tiêu chí đạt				
		43			86%				

Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HUNG YÊN

*(Kèm theo Nghị quyết số: 33/NQ-HĐKĐCL ngày 13 tháng 02 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh (CTĐT) của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2017-2021 cho thấy có những điểm mạnh như sau:

Mục tiêu của CTĐT được công bố cơ bản phù hợp tầm với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường, với mục tiêu của giáo dục đại học theo Luật Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT xác định được các yêu cầu chung và chuyên biệt của CTĐT. Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần có các thông tin cốt lõi, cập nhật. Chương trình dạy được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra. Các hoạt động dạy - học được thiết kế đa dạng. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được quy định cụ thể, được thực hiện khá nghiêm túc; quy trình phúc tra phúc khảo được tiếp cận dễ dàng. Đội ngũ giảng viên và cán bộ hỗ trợ được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Chính sách tuyển sinh, tiêu chí, phương thức tuyển chọn người học được công bố rõ ràng; việc tuyển sinh được thực hiện theo quy định. Môi trường tâm lý, xã hội được tạo dựng, thân thiện, tích cực; hệ thống phòng học, thực hành đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo. Quy trình phát triển CTĐT thường xuyên được cải tiến; các hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan được chú trọng và có phần mềm hỗ trợ. Tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập và giám sát chặt chẽ; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, có việc làm khá cao; thời gian tốt nghiệp trung bình thấp. Sinh viên tích cực tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học và đã đạt được một số giải thưởng nghiên cứu khoa học sinh viên các cấp.

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm cần cải tiến để nâng cao chất lượng (cụ thể trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và Khoa Ngoại ngữ cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Rà soát, cập nhật mục tiêu của CTĐT thể hiện tương minh định hướng phát triển của Nhà trường về đào tạo ngoại ngữ theo hướng ứng dụng; xác định rõ yêu cầu năng lực về ngoại ngữ 2 và tin học. Diễn đạt ngắn gọn chuẩn đầu ra, xác định rõ các mức năng lực theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và đảm bảo đo lường, đánh giá được; đa dạng các hình thức công khai chuẩn đầu ra đến các bên liên quan đa dạng và phù hợp.

2. Tiếp tục hoàn thiện Bản mô tả CTĐT, rà soát, điều chỉnh các thông tin mô tả chuẩn xác. Rà soát, cập nhật đề cương các học phần; xác định chuẩn xác các chuẩn đầu ra học phần, mức độ đóng góp của học phần vào đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Bổ sung đầy đủ thông tin về kiểm tra đánh giá và cung cấp đa dạng các nguồn học liệu mở để giúp sinh viên tự học, tự nghiên cứu và tiếp cận được các nội dung học thuật từ quan điểm hiện đại, có tính ứng dụng

cao. Đa dạng các hình thức công bố công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần đến các bên liên quan.

3. Tăng cường tham khảo các CTĐT tiên tiến, lấy ý kiến của các bên liên quan để tiếp tục rà soát, cập nhật chương trình dạy học; rà soát, điều chỉnh mức độ đóng góp của các học phần vào đạt chuẩn đầu ra của CTĐT. Nghiên cứu tăng số tín chỉ đối với các học phần cơ sở ngành và học phần tự chọn; tinh giản nội dung các học phần chuyên sâu về ngôn ngữ tiếng Anh và triển khai theo hướng ứng dụng. Sắp xếp phù hợp, logic các học phần; cập nhật, tích hợp các năng lực số, bổ sung các nội dung về kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, kiến thức về các biến thể tiếng Anh trên thế giới và văn hóa khu vực châu Á và khối ASEAN và tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ may.

4. Ban hành chính thức triết lý giáo dục của Trường làm cơ sở cho việc xây dựng, phát triển CTĐT và các hoạt động đào tạo. Đánh giá hiệu quả của các phương pháp dạy học, các hoạt động đổi mới phương pháp dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra; tăng cường các hình thức dạy-học hiện đại, phát triển kỹ năng tra cứu, tìm kiếm thông tin làm nền tảng để nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên. Khai thác hiệu quả hệ thống LMS để ứng dụng trong giảng dạy và quản lý các hoạt động.

5. Rà soát, hoàn thiện các quy định về kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra và tăng cường năng lực cho giảng viên, cán bộ để thiết kế các hình thức đánh giá phù hợp. Đánh giá mức độ phù hợp của các loại hình đánh giá; thường xuyên thẩm định, phân tích kết quả để có những điều chỉnh phù hợp. Rà soát, chuẩn hóa các rubrics đánh giá phù hợp với các loại hình đánh giá giữa kỳ, kết thúc học phần và khóa luận tốt nghiệp. Đa dạng các hình thức đánh giá và có kế hoạch thực hiện đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

6. Phân tích dự báo xu thế phát triển nguồn nhân lực cho ngành đào tạo làm căn cứ rà soát, cập nhật kế hoạch chiến lược phát triển và có các giải pháp phù hợp để quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nhất là để đáp ứng mục tiêu phát triển về kết nối, phục vụ cộng đồng; có các chính sách hợp lý để bồi dưỡng, thu hút giảng viên có trình độ cao tham gia CTĐT. Nghiên cứu xây dựng KPIs đánh giá kết quả và hiệu quả công tác đào tạo và giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của giảng viên. Tập hợp đội ngũ các nhà khoa học, tăng cường hợp tác quốc tế và hợp tác với các doanh nghiệp trong nghiên cứu khoa học để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong giảng viên và gia tăng kết quả nghiên cứu, giá trị học thuật.

7. Phân tích dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên để có kế hoạch bố trí, sắp xếp phù hợp đáp ứng được yêu cầu hỗ trợ các hoạt động, nhất là những biến động về quy mô ngành đào tạo. Ban hành chính sách thu hút, tuyển dụng các nhân viên chuyên trách có chuyên môn sâu về quản lý và phục vụ tại các phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện. Xây dựng bộ tiêu chí KPIs và tổ chức đánh giá năng lực của nhân viên phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm. Tăng cường đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên, nhất là nhân viên làm việc tại Khoa.

8. Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan, đặc biệt các nhà tuyển dụng, cựu sinh viên để có thêm nhiều thông tin hữu ích cho việc xây dựng chính sách tuyển sinh. Rà soát, bổ sung quy trình giám sát sự tiến bộ của sinh viên, chú trọng việc thống kê, phân tích và xử lý dữ liệu để làm căn cứ tư vấn, hỗ trợ hiệu quả. Xây

dựng mạng lưới kết nối giữa Nhà trường/ Khoa với cựu sinh viên, các cơ sở sử dụng lao động; tích cực triển khai công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp theo Thông tư 07/2022-BGDĐT. Định kỳ khảo sát giảng viên, cán bộ, nhân viên và sinh viên về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan để có những cải tiến phù hợp.

9. Cải tiến hoạt động khảo sát, nâng cao chất lượng thông tin làm cơ sở xây dựng các kế hoạch cải tiến chất lượng liên tục cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ CTĐT. Khẩn trương bổ sung thêm nguồn tài liệu, tăng cường chất lượng phục vụ tại tất cả các cơ sở. Đánh giá đầy đủ, thường xuyên, có tính hệ thống về hiệu quả sử dụng phòng thực hành để có kế hoạch khai thác phù hợp, phát huy hiệu quả. Thường xuyên rà soát những quy định để cập nhật những văn bản quy định mới của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, sức khỏe, an toàn; có kế hoạch duy tu, sửa chữa các công trình xây dựng đã xuống cấp; đảm bảo an toàn, vệ sinh khuôn viên ở cơ sở chính; bổ sung các hạng mục hỗ trợ người khuyết tật tại các toà nhà.

10. Ban hành hướng dẫn và thực hiện khai thác hiệu quả hơn các thông tin, dữ liệu khảo sát từ các bên liên quan trong thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT. Ban hành quy định cụ thể, chính sách khuyến khích giảng viên và sinh viên thực hiện các nghiên cứu hỗ trợ cải tiến việc dạy và học. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan để nâng cao chất lượng và hiệu quả khai thác thông tin, giám sát hiệu quả việc cải tiến chất lượng.

11. Có hướng dẫn chi tiết về công tác giám sát, thống kê, phân tích đối sánh tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của các khoá đào tạo. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp để từ đó thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động, giảng viên và cựu người học về chất lượng sinh viên tốt nghiệp; cải tiến bộ phiếu khảo sát việc làm của sinh viên, trong đó khảo sát chi tiết hơn khu vực và vị trí làm việc để có bức tranh rõ nét hơn về phân khúc thị trường lao động mà sinh viên của CTĐT làm việc. Hoàn thiện chức năng thống kê, cập nhật số liệu khảo sát của phần mềm để công tác đối sánh, đánh giá hiệu quả cải tiến được thuận lợi.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, Khoa Ngoại ngữ cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.
